

Số: 205/QĐ-UEF

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành các bản mô tả chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ khóa 2024

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 1272/QĐ-TTg ngày 24 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 714/QĐ-UEF ngày 01 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng ban hành Quy định về xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 203/QĐ-UEF ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Hiệu trưởng ban hành chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ khóa 2024;

Căn cứ Quyết định số 204/QĐ-UEF ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Hiệu trưởng ban hành các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ khóa 2024;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng trường và Viện trưởng Viện Đào tạo sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này các bản mô tả chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ khóa 2024, gồm các ngành đào tạo theo danh mục như sau:

TT	Tên ngành (tiếng Việt)	Tên ngành (tiếng Anh)	Mã ngành
1	Quản trị kinh doanh	Business Administration	8340101
2	Tài chính - Ngân hàng	Finance and Banking	8340201
3	Kế toán	Accounting	8340301
4	Luật kinh tế	Economic Law	8380107
5	Ngôn ngữ Anh	English language	8220201
6	Quan hệ công chúng	Public Relations	8320108

Điều 2. Chánh văn phòng, Viện trưởng Viện Đào tạo sau đại học, Trưởng các ngành sau đại học và Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, V.DTSDH.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thanh Giang

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ, KHÓA 2024

Chuyên ngành QUẢN TRỊ KINH DOANH
Mã ngành: 8340101

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 04 năm 2024

MỤC LỤC

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	2
1. Thông tin chung về chương trình đào tạo	2
2. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives).....	7
2.1. Mục tiêu chung.....	7
2.2. Mục tiêu cụ thể.....	7
3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes)	7
4. Ma trận mục tiêu (POs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)	10
5. Ma trận chuẩn đầu ra đáp ứng Khung trình độ quốc gia Việt Nam (VQF)	10
6. Ma trận chuẩn đầu ra đáp ứng sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục của UEF ...	12
II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC	13
1. Cấu trúc chương trình dạy học	13
2. Nội dung chương trình	15
3. Ma trận phân nhiệm chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cho các học phần... ..	17
4. Kế hoạch dạy học toàn khóa	19
5. Sơ đồ tiến trình đào tạo	22
6. Phương pháp giảng dạy.....	23
6.1. Căn cứ lựa chọn phương pháp giảng dạy	23
6.2. Các phương pháp giảng dạy	23
6.3. Ma trận học phần và phương pháp giảng dạy	25
7. Phương pháp đánh giá kết quả học tập.....	28
7.1. Căn cứ lựa chọn phương pháp đánh giá kết quả học tập	28
7.2. Các phương pháp đánh giá	28
7.3. Ma trận học phần và phương pháp đánh giá kết quả học tập	29
8. Ma trận mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs), học phần, phương pháp giảng dạy (TLMs) và phương pháp đánh giá (AMs)	31
9. Đề cương chi tiết các học phần	44
10. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần.....	44
11. Yêu cầu về cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu đào tạo	52
III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO	53

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ, KHÓA 2024
CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

*(Kèm theo Quyết định số 215/QĐ-UEF ngày 10 tháng 4 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh)*

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên ngành đào tạo (tiếng Việt)	QUẢN TRỊ KINH DOANH
Tên ngành đào tạo (tiếng Anh)	BUSINESS ADMINISTRATION
Mã ngành đào tạo	8340101
Trường cấp bằng	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh
Tên văn bằng	Bằng thạc sĩ
Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
Định hướng đào tạo	Định hướng ứng dụng
Đơn vị quản lý chương trình đào tạo	Viện Đào tạo sau đại học

Thông tin về chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo	Chương trình đào tạo đã đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, theo Quyết định số 68/QĐ-TTKĐ ngày 17/04/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục, Đại học Quốc Gia TP.HCM, có giá trị đến ngày 16/04/2028.
Tổng khối lượng kiến thức	60 tín chỉ
Hình thức đào tạo	Chính quy
Thời gian đào tạo	2 năm

Chuẩn đầu vào	<p>Điều kiện dự tuyển:</p> <p>a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp;</p> <p>b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương;</p> <p>c) Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành và theo quy định của CTĐT của Trường.</p> <p>d) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định hiện hành của Trường tại Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ; Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường</p> <p>Yêu cầu về học bổ sung kiến thức đối với người dự tuyển:</p> <p>a) Ngành phù hợp (ngành đào tạo ở trình độ đại học) bao gồm: Quản trị kinh doanh.</p> <p>b) Các ngành phải học bổ sung kiến thức bao gồm: Các ngành gần (cùng mã cấp II) và các ngành khác (không cùng mã cấp II) đối với ngành Quản trị kinh doanh.</p> <p>Đối với các ngành khác với ngành Quản trị kinh doanh, người dự tuyển phải có giấy xác nhận của cơ quan công tác về việc đang làm công việc có liên quan trực tiếp tới chuyên môn, nghề nghiệp của lĩnh vực quản trị, quản lý.</p> <p>c) Danh mục các học phần cần bổ sung kiến thức:</p> <table border="1" data-bbox="415 1086 1332 1489"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Học phần</th> <th>Số tín chỉ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Quản trị học</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Kinh tế vi mô</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Kinh tế vĩ mô</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>Marketing căn bản</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>Nguyên lý kế toán</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>6</td> <td>Lý thuyết tài chính - Tiền tệ</td> <td>3</td> </tr> </tbody> </table>	STT	Học phần	Số tín chỉ	1	Quản trị học	3	2	Kinh tế vi mô	3	3	Kinh tế vĩ mô	3	4	Marketing căn bản	3	5	Nguyên lý kế toán	3	6	Lý thuyết tài chính - Tiền tệ	3
STT	Học phần	Số tín chỉ																				
1	Quản trị học	3																				
2	Kinh tế vi mô	3																				
3	Kinh tế vĩ mô	3																				
4	Marketing căn bản	3																				
5	Nguyên lý kế toán	3																				
6	Lý thuyết tài chính - Tiền tệ	3																				
Thang điểm đánh giá và cách thức đánh giá kết quả học tập	Thang điểm 4, theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường.																					
Điều kiện tốt nghiệp	Theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường, các điều kiện chuyên môn bao gồm:																					

	<p>a) Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ đề án đạt yêu cầu;</p> <p>b) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ GD&ĐT công bố, còn hiệu lực tính đến thời điểm nộp hồ sơ xét tốt nghiệp hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài.</p>
Vị trí việc làm	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên viên phân tích và tư vấn quản trị kinh doanh: phân tích và tổng hợp báo cáo về môi trường kinh doanh, tài chính; lập kế hoạch sản xuất, nhân sự; tư vấn xây dựng và thực hiện chiến lược kinh doanh. - Quản lý chiến lược hay quản lý chức năng như sản xuất, kinh doanh, marketing, nhân sự, chất lượng, dự án, - Nhà quản lý hoặc tư vấn chính sách trong các cơ quan nhà nước, các tổ chức kinh tế xã hội. - Tự khởi nghiệp kinh doanh độc lập; tự thành lập làm chủ doanh nghiệp và điều hành công ty. - Nhà quản trị, điều hành cấp trung ở các bộ phận chức năng khác nhau: giám sát sản xuất, quản đốc phân xưởng; Trưởng các phòng kinh doanh, marketing, nhân sự, chất lượng, vật tư, ... - Nhà quản trị, điều hành cấp cao trong các doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước như: Giám đốc bộ phận, Giám đốc chi nhánh/ khu vực, Giám đốc điều hành, Giám đốc/ Tổng giám đốc doanh nghiệp/ tổ chức/ tập đoàn.
Khả năng học tập, nâng cao trình độ của người học sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng tự học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ về lĩnh vực chuyên môn liên quan chuyên ngành đào tạo; - Có thể tiếp tục học lên trình độ tiến sĩ các ngành phù hợp với chuyên ngành đào tạo.
Chương trình đào tạo đã	<ol style="list-style-type: none"> 1. Trong nước: ngành Quản trị kinh doanh ĐII Kinh tế TP.IICM

tham khảo	<p>https://sdh.ueh.edu.vn/nganh-dao-tao-thac-si/-quan-tri-kinh-doanh-business-administration-huong-ung-dung-ap-dung-tu-nam-2022.html</p> <p>2. Trong nước: ngành Quản trị kinh doanh Trường ĐH Ngoại thương https://sdh.ftu.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-trinh-do-thac-si-nganh-quan-tri-kinh-doanh-theo-dinh-huong-ung-dung-2/</p> <p>3. Trong nước: ngành Quản trị kinh doanh Trường Đại học Công nghệ TP.HCM https://www.hutech.edu.vn/sdh/dao-tao-sdh/chuong-trinh-dao-tao/14606904-chuong-trinh-dao-tao-trinh-do-thac-si-chuyen-nganh-quan-tri-kinh-doanh-ap-dung-nam-2022</p> <p>4. Nước ngoài: ngành Business Administration (QTKD) - RMIT university https://www.rmit.edu.vn/study-at-rmit/postgraduate-programs/master-of-business-administration.</p> <p>5. Nước ngoài: ngành Business Administration (QTKD) – Singapor Management university https://masters.smu.edu.sg/programme/master-of-business-administration#programmeDetails-tab</p>
Thời gian thiết kế/ điều chỉnh bản mô tả chương trình đào tạo	Ngày 16/3/2024

Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives)

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh theo định hướng ứng dụng, có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp; có kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, hiện đại về quản trị kinh doanh, khởi sự doanh nghiệp; có kỹ năng thực hành quản trị chuyên nghiệp và điều hành hiệu quả; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề về quản trị tại các tổ chức của nền kinh tế, phát triển nghề nghiệp trong môi trường biến động, cạnh tranh và hội nhập toàn cầu.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- PO1 (Kiến thức). Cung cấp cho người học kiến thức nền tảng về triết học; kiến thức thực tế sâu, rộng, kiến thức lý thuyết chuyên sâu, hiện đại về Quản trị kinh doanh; kiến thức liên ngành thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và hành vi, kinh doanh và quản lý, pháp luật.

- PO2 (Kỹ năng). Rèn luyện cho người học kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh; kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và tiên tiến; kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức trong lĩnh vực chuyên môn nghề nghiệp.

- PO3 (Mức tự chủ và trách nhiệm). Phát triển cho người học ý thức đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm cộng đồng; năng lực nghiên cứu ứng dụng, tự định hướng, đưa ra những sáng kiến quan trọng, những kết luận mang tính chuyên gia; năng lực, quản lý, hướng dẫn người khác, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes)

POs	PLO	Nội dung chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực (tối thiểu)	Ghi chú (CDR chung/ chuyên biệt)
PO1	PLO1	Vận dụng được các nguyên lý và học thuyết nền tảng của triết học để xác định, xây dựng và giải quyết các vấn đề một cách hệ thống, khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu.	4/6	Chung
	PLO2	Chọn lựa phương pháp luận tư duy, quy trình nghiên cứu khoa học ứng dụng trong các lĩnh vực kinh tế, quản lý, tài chính, hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.	5/6	Chuyên biệt

POs	PLO	Nội dung chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực (tối thiểu)	Ghi chú (CDR chung/ chuyên biệt)
	PLO3	Tổng hợp và phân tích các kiến thức chuyên sâu, hiện đại, cập nhật và am hiểu thực tế liên quan đến các hoạt động, chức năng quản trị điều hành doanh nghiệp như: kinh doanh, chiến lược, marketing, tài chính, chất lượng, nguồn nhân lực,.. đánh giá được khả năng ứng dụng của nó trong thực tiễn.	5/6	Chuyên biệt
	PLO4	Xác định và lựa chọn kiến thức liên ngành có liên quan, am hiểu và áp dụng tốt vào quá trình thiết kế và triển khai mô hình quản trị, giải pháp mới để giải quyết hiệu quả những thách thức trong thực tiễn.	5/6	Chuyên biệt
PO2	PLO5	Thành thạo các kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý hoạt động chức năng của tổ chức, doanh nghiệp, kinh doanh.	4/5	Chuyên biệt
	PLO6	Sử dụng hiệu quả các công nghệ và thuần thục các kỹ năng trong thu thập, tổng hợp, phân tích, đánh giá thông tin dữ liệu, phản biện và đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề thực tiễn quản trị một cách khoa học, sáng tạo và đột phá.	4/5	Chuyên biệt
	PLO7	Thành thạo kỹ năng truyền đạt, phổ biến tri thức dựa trên sự am hiểu thực tiễn các vấn đề quản trị doanh nghiệp, kinh doanh có thể thảo luận với người cùng ngành và những người khác.	4/5	Chuyên biệt
	PLO8	Sử dụng ngoại ngữ tương đương trình độ bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam trong lĩnh vực chuyên môn và giao tiếp trong môi trường đa văn hóa.	4/5	Chung
PO3	PLO9	Ý thức đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm cộng đồng.	5/5	Chung
	PLO10	Hình thành năng lực nghiên cứu ứng dụng, tự định hướng, đưa ra những sáng kiến quan trọng, đúc kết được	5/5	Chuyên biệt

POs	PLO	Nội dung chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực (tối thiểu)	Ghi chú (CDR chung/ chuyên biệt)
		những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp.		
	PLO11	Thành thạo trong việc quản lý, khả năng lên kế hoạch và triển khai đề án một cách độc lập, đồng thời có thể hướng dẫn người khác thực hiện nhằm giải quyết những thách thức hay vấn đề gặp phải trong thực tiễn quản trị kinh doanh.	5/5	Chuyên biệt
	PLO12	Hình thành năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động thực tiễn thuộc chuyên môn.	5/5	Chuyên biệt

(*) Thang đo trình độ năng lực:

Mức độ (Bậc trình độ năng lực)	Kiến thức Thang Bloom (6 bậc)	Kỹ năng Thang Dave (5 bậc)	Mức độ tự chủ và trách nhiệm Thang Krathwohl (5 bậc)
1	Nhớ	Bắt chước	Tiếp nhận
	Có thể nhắc lại các thông tin đã được tiếp nhận trước đó	Khả năng lặp lại hành vi sau khi được quan sát đầy đủ	Khả năng lắng nghe và ý thức tiếp thu kiến thức
2	Hiểu	Thao tác	Đáp ứng
	Nắm được ý nghĩa của thông tin, thể hiện qua khả năng diễn giải, suy diễn, liên hệ, khái quát, diễn đạt lại kiến thức đã học	Khả năng hoàn thành một kỹ năng theo như chỉ dẫn	Khả năng tham gia tích cực vào quá trình học tập
3	Vận dụng	Làm chuẩn xác	Hình thành giá trị
	Áp dụng thông tin, khái niệm đã biết vào một tình huống, điều kiện mới để giúp giải quyết vấn đề	Khả năng lặp lại chính xác, nhịp nhàng, đúng đắn một kỹ năng, thường thực hiện độc lập không cần phải hướng dẫn	Khả năng tìm thấy được giá trị của thông tin và đánh giá theo quan điểm riêng
4	Phân tích	Phối hợp	Tổ chức

Mức độ (Bậc trình độ năng lực)	Kiến thức Thang Bloom (6 bậc)	Kỹ năng Thang Dave (5 bậc)	Mức độ tự chủ và trách nhiệm Thang Krathwohl (5 bậc)
	Chia kiến thức, thông tin thành những phần nhỏ và chỉ ra mối liên hệ của chúng tới tổng thể	Khả năng kết hợp được nhiều kỹ năng theo thứ tự chính xác, nhịp nhàng và ổn định	Khả năng sử dụng phối hợp kiến thức, niềm tin, giá trị để giải quyết/ lý giải vấn đề
5	Đánh giá	Làm thuần thục	Hình thành phẩm chất
	Đưa ra nhận định, phán quyết của bản thân đối với thông tin dựa trên các chuẩn mực, tiêu chí	Khả năng hoàn thành dễ dàng một hay nhiều kỹ năng và trở thành tự nhiên, không đòi hỏi sự cố gắng về trí lực và thể lực	Khả năng kiểm soát đầu ra và ứng xử dựa trên hệ thống giá trị riêng
6	Sáng tạo	-	-
	Xác lập thông tin, sự vật mới trên cơ sở những thông tin, sự vật đã có	-	-

3. Ma trận mục tiêu (POs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
PO1	X	X	X	X								
PO2					X	X	X	X				
PO3									X	X	X	X

4. Ma trận chuẩn đầu ra đáp ứng Khung trình độ quốc gia Việt Nam (VQF)

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Bậc 7 Khung trình độ quốc gia Việt Nam *											
	K1	K2	K3	S1	S2	S3	S4	S5	A1	A2	A3	A4
PLO1	X											
PLO2	X											
PLO3	X		X									

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Bậc 7 Khung trình độ quốc gia Việt Nam *											
	K1	K2	K3	S1	S2	S3	S4	S5	A1	A2	A3	A4
PLO4		X	X									
PLO5						X						
PLO6				X			X					
PLO7					X							
PLO8								X				
PLO9									X	X	X	X
PLO10									X		X	
PLO11										X		X
PLO12												X

* Mô tả bậc 7 Khung trình độ quốc gia Việt Nam:

Mã	Chuẩn đầu ra đối với người tốt nghiệp bậc 7 VQF
Kiến thức (K)	
K1	Kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết chuyên sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo.
K2	Kiến thức liên ngành có liên quan.
K3	Kiến thức chung về quản trị và quản lý.
Kỹ năng (S)	
S1	Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra các giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học.
S2	Kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác.
S3	Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến.
S4	Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp.

Mã	Chuẩn đầu ra đối với người tốt nghiệp bậc 7 VQF
S5	Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.
Mức tự chủ và trách nhiệm (A)	
A1	Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng.
A2	Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác.
A3	Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn.
A4	Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

5. Ma trận chuẩn đầu ra đáp ứng sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục của UEF

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục của UEF *										
	M1	M2	M3	V1	V2	C1	C2	C3	C4	P1	P2
PLO1	X	X		X	X	X				X	X
PLO2	X	X		X	X	X	X			X	X
PLO3	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
PLO4	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
PLO5	X	X	X	X	X	X			X	X	X
PLO6	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X
PLO7	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X
PLO8	X	X	X	X	X	X		X		X	X
PLO9	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
PLO10	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X
PLO11	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
PLO12	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X

* Sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục của UEF:

Mã	Sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục của UEF
Sứ mạng (M)	

Mã	Sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục của UEF
M1	Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập toàn cầu
M2	Xây dựng môi trường tự do học thuật và nghiên cứu giúp người học phát triển toàn diện, năng động và sáng tạo
M3	Phát triển năng lực làm việc thực tế, tính chuyên nghiệp và tinh thần trách nhiệm với xã hội thông qua việc kết nối chặt chẽ với doanh nghiệp và cộng đồng
Tầm nhìn (V)	
V1	Trở thành một trong những trường đại học hàng đầu Việt Nam, có uy tín trong khu vực
V2	Là cái nôi đào tạo ra những công dân toàn cầu thành đạt và sẵn sàng cống hiến cho xã hội
Giá trị cốt lõi (C)	
C1	Xuất sắc: Cung cấp chương trình và dịch vụ đào tạo xuất sắc
C2	Sáng tạo: Khuyến khích đổi mới sáng tạo trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng, phát triển ý tưởng khởi nghiệp
C3	Hội nhập: Hợp tác và hội nhập quốc tế toàn diện
C4	Phát triển: Không ngừng phát triển và nâng cao chất lượng mọi hoạt động của Trường
Triết lý giáo dục (P)	
P1	Giáo dục toàn diện Giáo dục người học phát triển toàn diện về phẩm chất và năng lực, có tinh thần trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, có tư duy sáng tạo và hội nhập quốc tế, có khả năng thích nghi với sự biến đổi của thế giới.
P2	Học tập suốt đời Ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, tiên tiến; xây dựng môi trường học tập, nghiên cứu đa dạng nhằm hình thành, rèn luyện và thúc đẩy năng lực tự học và học tập suốt đời cho người học.

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

1. Cấu trúc chương trình dạy học

Tổng khối lượng kiến thức của CTĐT: 60 tín chỉ.

STT	Khối kiến thức	Khối lượng kiến thức			
		Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tỉ lệ %
I.	Kiến thức chung	4	4	-	6,7%
1.1	<i>Triết học</i>	4	4	-	
II.	Kiến thức ngành	41	26	15	68,3%
2.1	<i>Nghiên cứu khoa học</i>	5	5	-	
2.2	<i>Cơ sở ngành, chuyên ngành và liên ngành</i>	36	21	15	
III.	Kiến thức tốt nghiệp	15	15	-	25,0 %
3.1	<i>Chuyên đề thực tế</i>	6	6	-	
3.2	<i>Đề án tốt nghiệp</i>	9	9	-	
	Tổng cộng	60	45 (75%)	15 (25%)	

2. Nội dung chương trình

STT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ				Mã HP trước	Mã HP song hành	
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA			TT
I. Kiến thức chung												
1.1	PHI6101	Triết học	Philosophy	BB		4	4					
II. Kiến thức ngành												
II.1. Nghiên cứu khoa học												
2.1	RES6102	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Scientific Method of Research	BB		3	3					
2.2	BUS6108	Chuyên đề nghiên cứu Quản trị kinh doanh	Research Project in Business Administration	BB		2	2					
II.2. Cơ sở ngành, chuyên ngành và liên ngành												
2.3	ECO6101	Kinh tế học	Economics	BB		3	3					
2.4	STA6101	Thống kê và phân tích dữ liệu	Statistics and Data Analysis	BB		3	3					
2.5	MGT6105	Quản trị kinh doanh quốc tế	International Business Administration	BB		3	3					
2.6	MGT6102	Quản trị chiến lược	Strategic Management	BB		3	3					
2.7	MKT6101	Quản trị marketing	Marketing Management	BB		3	3					
2.8	MGT6101	Quản trị nguồn nhân lực	Human Resource Management	BB		3	3					
2.9	LAW6101	Luật Hợp đồng	Contract Law	BB		3	3					
			<i>Chọn 5/8 học phần sau</i>			15						
2.10	BUS6107	Trách nhiệm xã hội	Social Responsibility	TC		3	3					

STT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ				Mã HP trước	Mã HP song hành	
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA			TT
2.11	FIN6101	Quản trị tài chính	Finance Management	TC		3	3					
2.12	MKT6102	Quản trị thương hiệu	Brand Management	TC		3	3					
2.13	MGT6108	Quản trị chuỗi cung ứng	Supply Chain Management	TC		3	3					
2.14	MGT6109	Hành vi tổ chức	Organizational Behavior	TC		3	3					
2.15	BUS6105	Nền tảng kinh doanh số	Digital Business Platforms	TC		3	3					
2.16	MGT6107	Quản trị điều hành	Operations Management	TC		3	3					
2.17	BUS6102	Nghệ thuật lãnh đạo	Leadership	TC		3	3					
III. Kiến thức tốt nghiệp												
3.1	BUS6402	Chuyên đề thực tế	Practical Seminar	BB		6				X		
3.2	BUS6403	Đề án tốt nghiệp	Minor Thesis	BB		9				X		
Tổng khối lượng kiến thức						60						

Ghi chú: BB: Bắt buộc; TC: Tự chọn; E: Học phần giảng dạy bằng Tiếng Anh; LT: Lý thuyết; TH: Thực hành; ĐA: Đồ án/ Khóa luận; TT: Thực tập, thực tế.

3. Ma trận phân nhiệm chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cho các học phần

STT	Mã HP	Tên học phần	Chuẩn đầu ra (PLO) *														
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12			
I. Kiến thức chung																	
1.1	PHI6101	Triết học	2						2						2		
II. Kiến thức ngành																	
II.1. Nghiên cứu khoa học																	
2.1	RES6102	Phương pháp nghiên cứu khoa học		2						2						2	
2.2	BUS6108	Chuyên đề nghiên cứu Quản trị kinh doanh		2						3						3	
II.2. Cơ sở ngành, chuyên ngành và liên ngành																	
2.3	ECO6101	Kinh tế học			2						3					2	
2.4	STA6101	Thống kê và phân tích dữ liệu			2							2				2	
2.5	MGT6105	Quản trị kinh doanh quốc tế			3						2	3			3	2	2
2.6	MGT6102	Quản trị chiến lược			3						2	3			3	2	2
2.7	MKT6101	Quản trị marketing			3						2	3			3	2	2
2.8	MGT6101	Quản trị nguồn nhân lực			3						2	3			3	2	2
2.9	LAW6101	Luật Hợp đồng			3						3				3		
		<i>Chọn 5/8 học phần sau</i>															
2.10	BUS6107	Trách nhiệm xã hội				3					2				3	2	2
																	3

STT	Mã HP	Tên học phần	Chuẩn đầu ra (PLO) *													
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12		
2.11	FIN6101	Quản trị tài chính			3	2	2	3					3	2	2	3
2.12	MKT6102	Quản trị thương hiệu			3	2	2	3					3	2	2	3
2.13	MGT6108	Quản trị chuỗi cung ứng			3	2	2	3					3	2	2	3
2.14	MGT6109	Hành vi tổ chức			3	2	2		3				3	2	2	3
2.15	BUS6105	Nền tảng kinh doanh số			3	2	2						3	2	2	3
2.16	MGT6107	Quản trị điều hành			3	2	2	3					3	2	2	3
2.17	BUS6102	Nghệ thuật lãnh đạo			3	3	3		3				3	2	2	3
III. Kiến thức tốt nghiệp																
3.1	BUS6402	Chuyên đề thực tế		3	3	3		3						3	3	3
3.2	BUS6403	Đề án tốt nghiệp		3	3	3		3						3	3	3

Ghi chú: * Ghi các mức độ đóng góp: **1:** Đóng góp thấp; **2:** Đóng góp trung bình; **3:** Đóng góp cao; -: Không đóng góp.

4. Kế hoạch dạy học toàn khóa

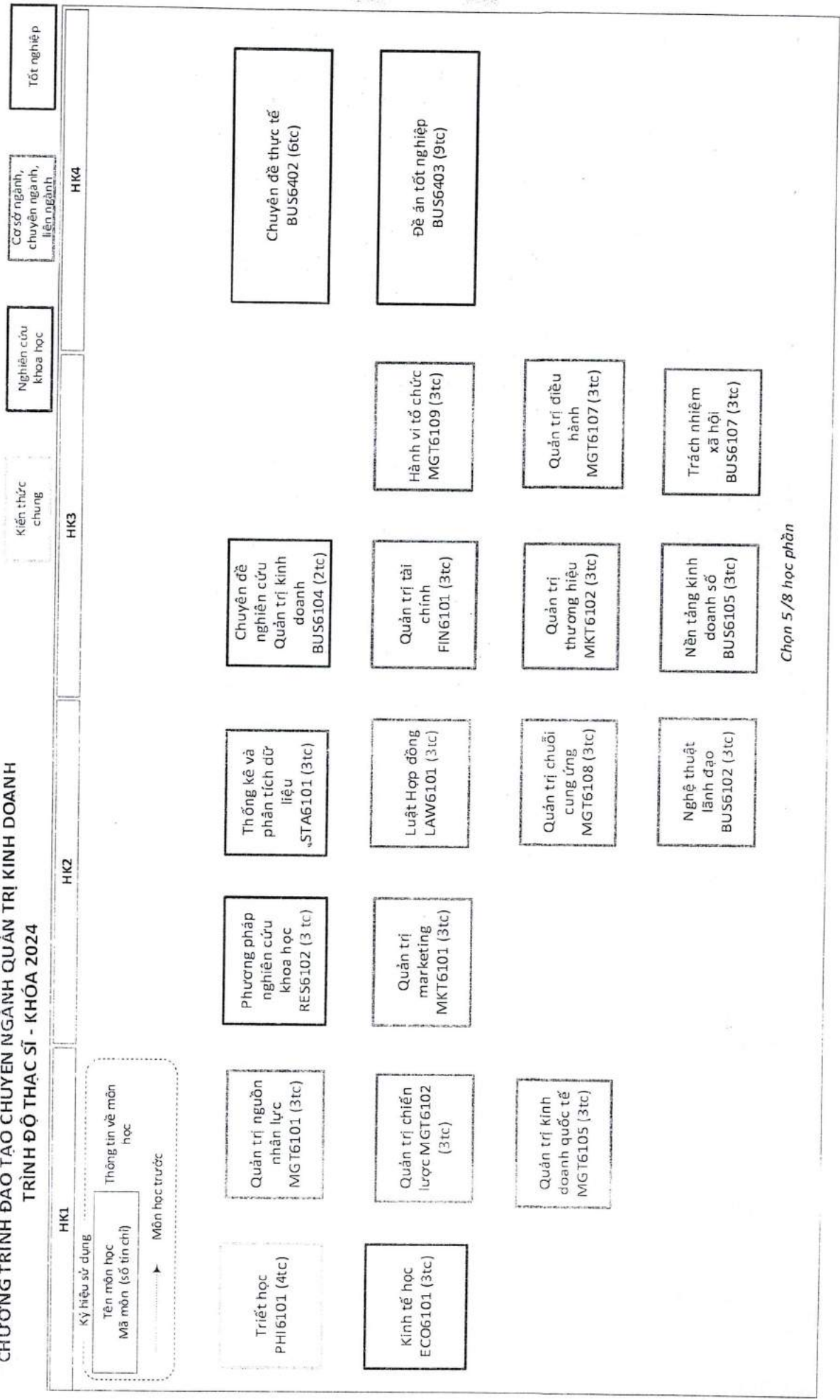
STT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bố số tiết			Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý HP
		Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	ĐA	TT		
	Học kỳ 1												
1	PHI6101	Triết học	Philosophy	BB			4	60	45	15		90	V.ĐTSDH
2	ECO6101	Kinh tế học	Economics	BB			3	45	28	17		60	V.ĐTSDH
3	MGT6101	Quản trị nguồn nhân lực	Human Resource Management	BB			3	45	45			60	V.ĐTSDH
4	MGT6102	Quản trị chiến lược	Strategic Management	BB			3	45	45			60	V.ĐTSDH
5	MGT6105	Quản trị kinh doanh quốc tế	International Business Administration	BB			3	45	45			60	V.ĐTSDH
		Cộng					16	240	208	32		330	
	Học kỳ 2												
6	STA6101	Thống kê và phân tích dữ liệu	Statistics and Data Analysis	BB			3	45	19	26		60	V.ĐTSDH
7	RES6102	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Scientific Method of Research	BB			3	45	30	15		60	V.ĐTSDH
8	MKT6101	Quản trị marketing	Marketing Management	BB			3	45	45			60	V.ĐTSDH
9	LAW6101	Luật Hợp đồng	Contract Law	BB			3	45	45			60	V.ĐTSDH
		<i>Chọn 5/8 học phần dưới đây</i>											V.ĐTSDH

STT	Mã HP	Tên học phần		Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bố số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý HP
		Tiếng Việt	Tiếng Anh					Loại HP	LT	TH	ĐA		
10	MGT6108	Quản trị chuỗi cung ứng	Supply Chain Management			3	45	45				60	V.ĐTSDH
		Cộng				15	225	184	41			300	
	Học kỳ 3												
11	FIN6101	Quản trị tài chính	Finance Management			3	45	45				60	V.ĐTSDH
12	MKT6102	Quản trị thương hiệu	Brand Management			3	45	45				60	V.ĐTSDH
13	MGT6107	Quản trị điều hành	Operations Management			3	45	45				60	V.ĐTSDH
14	BUS6107	Trách nhiệm xã hội	Social Responsibility			3	45	45				60	V.ĐTSDH
15	MGT6109	Hành vi tổ chức	Organizational Behavior			3	45	45				60	V.ĐTSDH
16	BUS6105	Nền tảng kinh doanh số	Digital Business Platforms			3	45	45				60	V.ĐTSDH
17	BUS6102	Nghệ thuật lãnh đạo	Leadership			3	45	45				60	V.ĐTSDH
18	BUS6108	Chuyên đề nghiên cứu Quản trị kinh doanh	Research Project in Business Administration			2	30	15	15			40	V.ĐTSDH
		Cộng				14	210	205	15			280	
	Học kỳ 4												

STT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bố số tiết			Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý HP
		Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA		
19	BUS6402	Chuyên đề thực tế	Practical Seminar	BB			6				X		V.ĐTSDH
20	BUS6403	Đề án tốt nghiệp	Minor Thesis	BB			9				X		V.ĐTSDH
		Cộng					15						

5. Sơ đồ tiến trình đào tạo

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ - KHÓA 2024



6. Phương pháp giảng dạy

5.1. Căn cứ lựa chọn phương pháp giảng dạy

- Phương pháp giảng dạy được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và của cả chương trình đào tạo.

- Thực hiện theo Hướng dẫn số 407/HĐ-UEF ngày 01 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh, được thể hiện trong đề cương chi tiết của từng học phần.

5.2. Các phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy (Teaching and Learning Methods)	
I	Dạy học trực tiếp
TLM1	Thuyết giảng (Lecture)
TLM2	Khách mời thuyết giảng (Guest Lecture)
TLM3	Câu hỏi gợi mở (Inquiry)
II	Dạy học dựa vào hoạt động - trải nghiệm
TLM4	Trò chơi (Games)
TLM5	Thực hành (Practice)
TLM6	Thực tập, trải nghiệm thực tế (Field Trip)
TLM7	Tranh luận (Debates)
TLM8	Mô hình (Models)
TLM9	Dạy học theo dự án (Project-based Learning)
TLM10	Học tập phục vụ cộng đồng (Service Learning)
III	Dạy kỹ năng tư duy
TLM11	Học theo vấn đề (Problem-based Learning)
TLM12	Học theo tình huống (Case Study)
TLM13	Tập kích não (Brain Storming)
TLM14	Sơ đồ tư duy (Mind Map)
IV	Dạy học tương tác
TLM15	Học nhóm (Teamwork Learning)

Phương pháp giảng dạy (Teaching and Learning Methods)	
TLM16	Thảo luận nhóm/ Seminar (Group Discussion)
TLM17	Chia sẻ nhóm đôi (Think - Pair - Share (TPS))
TLM18	Các mảnh ghép (Jigsaw)
TLM19	Đóng vai (Role Play)
V	Dạy học dựa vào công nghệ
TLM20	Học trực tuyến (E-Learning)
TLM21	Học kết hợp (Blended Learning)
TLM22	Học tập đảo ngược (Flipped Learning)
VI	Dạy học theo hướng nghiên cứu – giảng dạy
TLM23	Nghiên cứu độc lập (Independent Research)
TLM24	Dự án nghiên cứu (Research Project)
TLM25	Nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team)
TLM26	Trợ giảng và hỗ trợ học thuật (Teaching Assistance and Academic Support)
VII	Tự học
TLM27	Bài tập ở nhà (Work Assignment)
TLM28	Hoạt động thực hành ngoài giờ học (Out of Class Learning Activities)

STT	Mã HP	Tên học phần	Phương pháp giảng dạy học phần (TLMs)																											
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
2.4	STA6101	Thống kê và phân tích dữ liệu	X		X						X	X	X	X	X	X	X	X				X							X	
2.5	MGT6105	Quản trị kinh doanh quốc tế	X		X				X		X	X	X	X	X	X	X	X				X							X	
2.6	MGT6102	Quản trị chiến lược	X		X				X		X	X	X	X	X	X	X	X				X							X	
2.7	MKT6101	Quản trị marketing	X		X				X		X	X	X	X	X	X	X	X				X							X	
2.8	MGT6101	Quản trị nguồn nhân lực	X		X				X		X	X	X	X	X	X	X	X				X							X	
2.9	LAW6101	Luật Hợp đồng	X		X						X	X	X	X	X	X	X	X								X			X	
		<i>Chọn 5/8 học phần sau</i>																												
2.10	BUS6107	Trách nhiệm xã hội	X		X																									X

STT	Mã HP	Tên học phần	Phương pháp giảng dạy học phần (TLMs)																											
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
2.11	FIN6101	Quản trị tài chính	X		X			X								X	X					X							X	
2.12	MKT6102	Quản trị thương hiệu	X		X			X		X							X	X				X							X	
2.13	MGT6108	Quản trị chuỗi cung ứng	X		X		X					X				X	X					X			X				X	
2.14	MGT6109	Hành vi tổ chức	X		X			X								X	X					X							X	
2.15	BUS6105	Nền tảng kinh doanh số	X		X								X			X	X					X							X	
2.16	MGT6107	Quản trị điều hành	X		X								X				X	X				X							X	
2.17	BUS6102	Nghệ thuật lãnh đạo	X		X								X					X				X							X	
III. Kiến thức tốt nghiệp																														
3.1	BUS6402	Chuyên đề thực tế										X			X											X			X	
3.2	BUS6403	Đề án tốt nghiệp										X			X										X				X	

7. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

7.1. Căn cứ lựa chọn phương pháp đánh giá kết quả học tập

- Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra, làm rõ mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và chương trình đào tạo.

- Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết; làm cơ sở để kịp thời điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập, thúc đẩy nỗ lực và hỗ trợ tiên bộ của người học.

- Thực hiện theo Hướng dẫn số 407 /HĐ-UEF ngày 01 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh, được thể hiện trong đề cương chi tiết của từng học phần.

7.2. Các phương pháp đánh giá

Mã	Phương pháp đánh giá	Đánh giá chẩn đoán (Diagnostic Assessment)	Đánh giá quá trình (Formative Assessment)	Đánh giá cuối kỳ (Summative Assessment)
AM1	Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)		x	
AM2	Bài tập (Work Assignment)		x	
AM3	Thuyết trình (Presentation)		x	
AM4	Câu hỏi trắc nghiệm (Quiz Questions: Fill-in-the-blank, Multiple Choice, True or False, Matching,...)	x	x	x
AM5	Kiểm tra viết (Written Test)	x	x	x
AM6	Kiểm tra vấn đáp (Oral Exam)			x
AM7	Tiểu luận (Essay)			x
AM8	Báo cáo (Written Report)			x
AM9	Đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assessment)		x	
AM10	Thực hành (Practice)		x	x
AM11	Đánh giá bằng dự án (Project-based Assessment)		x	x
AM12	Hồ sơ học tập (Portfolio Assessment)		x	x
AM13	Chuyên đề thực tế/ Đề án tốt nghiệp (Practical topics/ Thesis)			x

7.3. Ma trận học phần và phương pháp đánh giá kết quả học tập

STT	Mã HP	Tên học phần	Phương pháp đánh giá kết quả học tập (AMs) *														
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13		
I. Kiến thức chung																	
1.1	PHI6101	Triết học	F		F					S				F			
II. Kiến thức ngành																	
II.1. Nghiên cứu khoa học																	
2.1	RES6102	Phương pháp nghiên cứu khoa học	F	F											S		
2.2	BUS6108	Chuyên đề nghiên cứu Quản trị kinh doanh								S							
II.2. Cơ sở ngành, chuyên ngành và liên ngành																	
2.3	ECO6101	Kinh tế học			F			F							S	F	
2.4	STA6101	Thống kê và phân tích dữ liệu	F	F	F										S	F	
2.5	MGT6105	Quản trị kinh doanh quốc tế			F									F	S	F	
2.6	MGT6102	Quản trị chiến lược			F									F	S	F	
2.7	MKT6101	Quản trị marketing	F	F	F									F	S	F	
2.8	MGT6101	Quản trị nguồn nhân lực			F									F	S	F	
2.9	LAW6101	Luật Hợp đồng	F											F	S		

STT	Mã HP	Tên học phần	Phương pháp đánh giá kết quả học tập (AMs) *														
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13		
		<i>Chọn 5/8 học phần sau</i>															
2.10	BUS6107	Trách nhiệm xã hội			F			F				S	F				
2.11	FIN6101	Quản trị tài chính	F	F	F							S	F				
2.12	MKT6102	Quản trị thương hiệu			F			F				S	F				
2.13	MGT6108	Quản trị chuỗi cung ứng	F		F					S			F				
2.14	MGT6109	Hành vi tổ chức	F					F, S					F				
2.15	BUS6105	Nền tảng kinh doanh số	F		F							S	F				
2.16	MGT6107	Quản trị điều hành		F	F					S			F				
2.17	BUS6102	Nghệ thuật lãnh đạo	F					F				S					
III. Kiến thức tốt nghiệp																	
3.1	BUS6402	Chuyên đề thực tế															S
3.2	BUS6403	Đề án tốt nghiệp															S

Ghi chú: * Điền các thông tin: **D:** Đánh giá chẩn đoán; **F:** Đánh giá quá trình; **S:** Đánh giá cuối kỳ.

8. Ma trận mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs), học phần, phương pháp giảng dạy (TLMs) và phương pháp đánh giá (AMs)

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần	Phương pháp giảng dạy (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
PLO1: Vận dụng được các nguyên lý và học thuyết nền tảng của triết học để xác định, xây dựng và giải quyết các vấn đề một cách hệ thống, khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu.	PHI6101	Triết học TLM1, TLM3, TLM11, TLM14, TLM16, TLM20, TLM22, TLM23.	F: {AM1, AM9}, S: {AM7}
	RES6102	Phương pháp nghiên cứu khoa học TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM11, TLM14, TLM19, TLM20	F: {AM5, AM9}, S: {AM7}
	BUS6108	Chuyên đề nghiên cứu Quản trị kinh doanh TLM1, TLM11, TLM12, TLM20, TLM23, TLM24, TLM27	S: {AM7}
PLO2: Chọn lựa phương pháp luận tư duy, quy trình nghiên cứu khoa học ứng dụng trong các lĩnh vực kinh tế, quản lý, tài chính, hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.	BUS6402	Chuyên đề thực tế TLM6, TLM8, TLM11, TLM13, TLM23, TLM24	S: {AM13}
	BUS6403	Đề án tốt nghiệp TLM6, TLM8, TLM11, TLM13, TLM23, TLM24	S: {AM13}
PLO3: Tổng hợp và phân tích các kiến thức chuyên sâu, hiện đại,	ECO6101	Kinh tế học TLM1, TLM3, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM27	F: {AM5} S: {AM7}

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần	Phương pháp giảng dạy (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng	
cập nhật và am hiểu thực tế liên quan đến các hoạt động, chức năng quản trị điều hành doanh nghiệp như: kinh doanh, chiến lược, marketing, tài chính, chất lượng, nguồn nhân lực,.. đánh giá được khả năng ứng dụng của nó trong thực tiễn.	STA6101	TLM1, TLM3; TLM5; TLM11, TLM16; TLM23; TLM27	F: {AM1, AM9}, S: {AM8}	
	MGT6105	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM12, TLM14, TLM15, TLM20,	F: {AM3, AM5}, S: {AM7}	
	MGT6102	Quản trị chiến lược	TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM27	F: {AM3, AM9}, S: {AM7}
	MKT6101	Quản trị marketing	TLM1, TLM2, TLM3, TLM8, TLM9.	F: {AM1, AM3}, S: {AM7, AM9}
	MGT6101	Quản trị nguồn nhân lực	TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM27	F: {AM5, AM9}, S: {AM7}
	LAW6101	Luật Hợp đồng	TLM1, TLM3, TLM11, TLM12, TLM13, TLM15, TLM16, TLM20, TLM21, TLM23	F: {AM2}, S: {AM7}
	BUS6402	Chuyên đề thực tế	TLM6, TLM8, TLM11, TLM13, TLM23, TLM24	S: {AM13}
	BUS6403	Đề án tốt nghiệp	TLM6, TLM8, TLM11, TLM13, TLM23, TLM24	S: {AM13}

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần	Phương pháp giảng dạy (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng	
PLO4: Xác định và lựa chọn kiến thức liên ngành có liên quan, am hiểu và áp dụng tốt vào quá trình thiết kế và triển khai mô hình quản trị, giải pháp mới để giải quyết hiệu quả những thách thức trong thực tiễn.	BUS6107	TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM27	F: {AM5, AM9}, S: {AM7}	
	FIN6101	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15, TLM19, TLM20	F: {AM1, AM2, AM3}, S: {AM7}	
	MKT6102	Quản trị thương hiệu	TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM15, TLM16, TLM20	F: {AM5, AM9}, S: {AM7}
	MGT6108	Quản trị chuỗi cung ứng	TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM27	F: {AM3, AM9}, S: {AM7}
	MGT6109	Hành vi tổ chức	TLM1, TLM3, TLM8, TLM15, TLM16, TLM20, TLM23, TLM27	F: {AM1, AM5, AM9}, S: {AM5}
	BUS6105	Nền tảng kinh doanh số	TLM1, TLM3, TLM11, TLM15, TLM16, TLM20, TLM27	F: {AM1, AM3, AM9}, S: {AM8}
	MGT6107	Quản trị điều hành	TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM23, TLM27	F: {AM5, AM9}, S: {AM7}

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần	Phương pháp giảng dạy (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
PLO5: Thành thạo các kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý hoạt động chức năng của tổ chức, doanh nghiệp, kinh doanh.	BUS6102	TLM1, TLM2, TLM3, TLM7, TLM12, TLM16, TLM20, TLM27	F: {AM1, AM9}, S: {AM7}
	BUS6402	TLM6, TLM8, TLM11, TLM13, TLM23, TLM24	S: {AM13}
	BUS6403	TLM6, TLM8, TLM11, TLM13, TLM23, TLM24	S: {AM13}
	MGT6105	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM12, TLM14, TLM15, TLM20,	F: {AM3, AM5}, S: {AM7}
	MGT6102	TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM27	F: {AM5, AM9}, S: {AM7}
	MKT6101	TLM1, TLM2, TLM3, TLM8, TLM9.	F: {AM1, AM3}, S: {AM7, AM9}
	MGT6101	TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM27	F: {AM5, AM9}, S: {AM7}
	LAW6101	TLM1, TLM3, TLM11, TLM12, TLM13, TLM15, TLM16, TLM20, TLM21, TLM23	F: {AM2}, S: {AM7}

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp giảng dạy (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
BUS6107	Trách nhiệm xã hội		TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM27	F: {AM5, AM9}, S: {AM7}
FIN6101	Quản trị tài chính		TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15, TLM19, TLM20.	F: {AM1, AM2, AM3}, S: {AM7}
MKT6102	Quản trị thương hiệu		TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20.	F: {AM5, AM9}, S: {AM7}
MGT6108	Quản trị chuỗi cung ứng		TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM27	F: {AM3, AM9}, S: {AM7}
MGT6109	Hành vi tổ chức		TLM1, TLM3, TLM7, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16; TLM20, TLM27	F: {AM1, AM5, AM9}, S: {AM7}
BUS6105	Nền tảng kinh doanh số		TLM1, TLM3, TLM11; TLM15, TLM16, TLM20, TLM27	F: {AM1, AM3, AM9}, S: {AM8}
MGT6107	Quản trị điều hành		TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM23, TLM27	F: {AM5, AM9}, S: {AM7}

Chuẩn đầu ra (PLOs)		Tên học phần	Phương pháp giảng dạy (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
PLO6: Sử dụng hiệu quả các công nghệ và thụận thực các kỹ năng trong thu thập, tổng hợp, phân tích, đánh giá thông tin dữ liệu, phân biện và đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề thực tiễn quản trị một cách khoa học, sáng tạo và đột phá.	BUS6102	Nghệ thuật lãnh đạo	TLM1, TLM2, TLM3, TLM7, TLM12, TLM16, TLM20, TLM27	F: {AM1, AM9}, S: {AM7}
	RES6102	Phương pháp nghiên cứu khoa học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM11, TLM14, TLM19, TLM20	F: {AM5, AM9}, S: {AM7}
	BUS6108	Chuyên đề nghiên cứu Quản trị kinh doanh	TLM1, TLM11, TLM12, TLM20, TLM23, TLM24, TLM27	S: {AM7}
	STA6101	Thống kê và phân tích dữ liệu	TLM1, TLM3; TLM5; TLM11, TLM16; TLM23; TLM27	TLM1, TLM3; TLM5; TLM11, TLM16; TLM23; TLM27
	MGT6105	Quản trị kinh doanh quốc tế	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM12, TLM14, TLM15, TLM20,	F: {AM3, AM5}, S: {AM7}
	MGT6102	Quản trị chiến lược	TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM27	F: {AM5, AM9}, S: {AM7}
	MKT6101	Quản trị marketing	TLM1, TLM2, TLM3, TLM8, TLM9.	F: {AM1, AM3}, S: {AM7, AM9}
	MGT6101	Quản trị nguồn nhân lực	TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM27	F: {AM5, AM9}, S: {AM7}

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần	Phương pháp giảng dạy (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
PLO7: Thành thạo kỹ năng truyền đạt, phổ biến tri thức dựa trên sự am hiểu thực tiễn các vấn đề quản trị doanh nghiệp, kinh doanh có	FIN6101	Quản trị tài chính TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15, TLM19, TLM20.	F: {AM1, AM2, AM3}, S: {AM7}
	MKT6102	Quản trị thương hiệu TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20.	F: {AM5, AM9}, S: {AM7}
	MGT6108	Quản trị chuỗi cung ứng TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM27	F: {AM3, AM9}, S: {AM7}
	MGT6107	Quản trị điều hành TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM23, TLM27	F: {AM2, AM3, AM9}, S: {AM7}
	BUS6402	Chuyên đề thực tế TLM6, TLM8, TLM11, TLM13, TLM23, TLM24	S: {AM13}
	BUS6403	Đề án tốt nghiệp TLM6, TLM8, TLM11, TLM13, TLM23, TLM24	S: {AM13}
	PHI6101	Triết học TLM1, TLM3, TLM11, TLM14, TLM16, TLM20, TLM22, TLM23.	F: {AM1, AM9}, S: {AM7}
	ECO6101	Kinh tế học TLM1, TLM3, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM27	F: {AM5} S: {AM7}

Chuẩn đầu ra (PLOs)		Tên học phần	Phương pháp giảng dạy (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
thể thảo luận với người cùng ngành và những người khác.	MGT6101	Quản trị nguồn nhân lực	TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM27	F: {AM5, AM9}, S: {AM7}
	MGT6109	Hành vi tổ chức	TLM1, TLM3, TLM7, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16; TLM20, TLM27	F: {AM1, AM5, AM9}, S: {AM7}
	BUS6102	Nghệ thuật lãnh đạo	TLM1, TLM2, TLM3, TLM7, TLM12, TLM16, TLM20, TLM27	F: {AM1, AM9}, S: {AM7}
PLO8: Sử dụng ngoại ngữ trong chương trình độ bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam trong lĩnh vực chuyên môn và giao tiếp trong môi trường đa văn hóa.		Thực hiện các sáng kiến cải tiến quy trình, công việc tại đơn vị công tác. Tham gia các hoạt động chuyên giao khoa học công nghệ, đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho nhân sự trong đơn vị.		
PLO9: Ý thức đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm cộng đồng.		Tham gia các lớp đào tạo và thi chứng chỉ Ngoại ngữ đạt điều kiện xét tốt nghiệp, sử dụng giao tiếp hàng ngày và trong công việc.		
		Cơ sở ngành, chuyên ngành và liên ngành		

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần	Phương pháp giảng dạy (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng	
<p>PL10: Hình thành năng lực nghiên cứu ứng dụng, tự định hướng, đưa ra những sáng kiến quan trọng, đúc kết được những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp.</p>	Chấp hành pháp luật, thực hiện tốt trách nhiệm công dân, trách nhiệm đối với tổ chức, đơn vị. Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng: thiện nguyện, tình nguyện.			
	Cơ sở ngành, chuyên ngành và liên ngành			
	RES6102	Phương pháp nghiên cứu khoa học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM11, TLM14, TLM19, TLM20	F: {AM5, AM9}, S: {AM7}
	BUS6108	Chuyên đề nghiên cứu Quản trị kinh doanh	TLM1, TLM11, TLM12, TLM20, TLM23, TLM24, TLM27	S: {AM7}
	BUS6402	Chuyên đề thực tế	TLM6, TLM8, TLM11, TLM13, TLM23, TLM24	S: {AM13}
	BUS6403	Đề án tốt nghiệp	TLM6, TLM8, TLM11, TLM13, TLM23, TLM24	S: {AM13}
<p>PL11: Thành thạo trong việc quản lý, khả năng lên kế hoạch và triển khai đề án một cách độc lập, đồng thời có thể hướng dẫn người</p>	Tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, các hội thảo khoa học, báo cáo chuyên đề, viết và đăng các bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành. Thực hiện các sáng kiến cải tiến quy trình, công việc tại đơn vị công tác.			
	MGT6105	Quản trị kinh doanh quốc tế	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM12, TLM14, TLM15, TLM20,	F: {AM3, AM5}, S: {AM7}
	MGT6102	Quản trị chiến lược	TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM27	F: {AM5, AM9}, S: {AM7}

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần	Phương pháp giảng dạy (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
khác thực hiện nhằm giải quyết những thách thức hay vấn đề gặp phải trong thực tiễn quản trị kinh doanh.	MKT6101	Quản trị marketing	TLM1, TLM2, TLM3, TLM8, TLM9. F: {AM1, AM3}, S: {AM7, AM9}
	MGT6101	Quản trị nguồn nhân lực	TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM27 F: {AM5, AM9}, S: {AM7}
	BUS6107	Trách nhiệm xã hội	TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM27 F: {AM5, AM9}, S: {AM7}
	FIN6101	Quản trị tài chính	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15, TLM19, TLM20. F: {AM1, AM2, AM3}, S: {AM7}
	MKT6102	Quản trị thương hiệu	TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20. F: {AM5, AM9}, S: {AM7}
	MGT6108	Quản trị chuỗi cung ứng	TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM27 F: {AM3, AM9}, S: {AM7}
	MGT6109	Hành vi tổ chức	TLM1, TLM3, TLM8, TLM15, TLM16, TLM20, TLM23, TLM27 F: {AM1, AM5, AM9}, S: {AM5}
	BUS6105	Nền tảng kinh doanh số	TLM1, TLM3, TLM11; TLM15, TLM16, TLM20, TLM27 F: {AM1, AM3, AM9}, S: {AM8}
	MGT6107	Quản trị điều hành	TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, F: {AM5, AM9},

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần	Phương pháp giảng dạy (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng	
PL12: Hình thành năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động thực tiễn thuộc chuyên môn.		TLM16, TLM20, TLM23, TLM27	S: {AM7}	
	BUS6102	Nghệ thuật lãnh đạo	TLM1, TLM2, TLM3, TLM7, TLM12, TLM16, TLM20, TLM27	F: {AM1, AM9}, S: {AM7}
	BUS6402	Chuyên đề thực tế	TLM6, TLM8, TLM11, TLM13, TLM23, TLM24	S: {AM13}
	BUS6403	Đề án tốt nghiệp	TLM6, TLM8, TLM11, TLM13, TLM23, TLM24	S: {AM13}
	MGT6105	Quản trị kinh doanh quốc tế	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM12, TLM14, TLM15, TLM20,	F: {AM3, AM5}, S: {AM7}
	MGT6102	Quản trị chiến lược	TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM27	F: {AM5, AM9}, S: {AM7}
	MKT6101	Quản trị marketing	TLM1, TLM2, TLM3, TLM8, TLM9.	F: {AM1, AM3}, S: {AM7, AM9}
	MGT6101	Quản trị nguồn nhân lực	TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM27	F: {AM5, AM9}, S: {AM7}
	BUS6107	Trách nhiệm xã hội	TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM27	F: {AM5, AM9}, S: {AM7}

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần	Phương pháp giảng dạy (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
FIN6101	Quản trị tài chính	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15, TLM19, TLM20.	F: {AM1, AM2, AM3}, S: {AM7}
MKT6102	Quản trị thương hiệu	TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20.	F: {AM5, AM9}, S: {AM7}
MGT6108	Quản trị chuỗi cung ứng	TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM27	F: {AM1, AM2, AM3, AM5, AM9, AM16, TLM20}, S: {AM7}
MGT6109	Hành vi tổ chức	TLM1, TLM3, TLM7, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16; TLM20, TLM27	F: {AM1, AM5, AM9}, S: {AM7}
BUS6105	Nền tảng kinh doanh số	TLM1, TLM3, TLM11; TLM15, TLM16, TLM20, TLM27	F: {AM1, AM3, AM9}, S: {AM8}
MGT6107	Quản trị điều hành	TLM1, TLM3, TLM8, TLM11, TLM12, TLM15, TLM16, TLM20, TLM23, TLM27	F: {AM5, AM9}, S: {AM7}
BUS6102	Nghệ thuật lãnh đạo	TLM1, TLM2, TLM3, TLM7, TLM12, TLM16, TLM20, TLM27	F: {AM1, AM9}, S: {AM7}
BUS6402	Chuyên đề thực tế	TLM6, TLM8, TLM11, TLM13, TLM23, TLM24	S: {AM13}

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp giảng dạy (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
BUS6403	Đề án tốt nghiệp		TLM6, TLM8, TLM11, TLM13, TLM23, TLM24	S: {AM13}

9. Đề cương chi tiết các học phần

Đính kèm Phụ lục.

10. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
I. Kiến thức chung				
1.1	PHI6101	Triết học	4	<p>Học phần nhằm củng cố tri thức triết học cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực các khoa học kinh tế, xã hội - nhân văn; nâng cao nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. Giúp học viên xác lập được thế giới quan, giá trị quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng; rèn luyện được phẩm chất đạo đức cách mạng, có ý tưởng sống cao đẹp, lập trường tư tưởng chính trị vững vàng:</p> <p>Học phần có 8 chương, bao gồm: Mở đầu (chương 1. Khái luận về triết học) nhằm giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học; Ba chương (chương 2. Bản thể luận; chương 3. Pháp biện chứng; chương 4. Nhận thức luận): bao quát các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn; Bốn chương (chương 5. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội; chương 6. Triết học chính trị; chương 7. Ý thức xã hội; chương 8. Triết học về con người): bao quát các nội dung lý luận triết học về xã hội và con người.</p>
II. Kiến thức ngành				
2.1	RI:S6102	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	<p>Học phần trang bị cho học viên các kiến thức, kỹ năng và phương pháp luận tư duy; học viên có thể hệ thống kiến thức đã học cùng với các phương pháp nghiên cứu để thực hiện nghiên cứu ứng dụng trong các lĩnh vực kinh tế, quản lý, tài chính, hoạt động nghề nghiệp,... cũng như hoàn thành chuyên đề thực tế, đề án tốt nghiệp thạc sĩ chất lượng.</p> <p>Nội dung chính bao gồm: Giới thiệu phương pháp nghiên cứu và Quy trình nghiên cứu khoa học; Xác định vấn đề, mục tiêu, câu hỏi, giả</p>

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				thuyết nghiên cứu; Tổng quan tài liệu; Bản chất, dạng số liệu đo lường, phương pháp chọn mẫu và xác định cỡ mẫu; lựa chọn khung phân tích và thiết kế nghiên cứu; thiết kế mẫu và thu thập thông tin; phân tích số liệu; viết đề cương nghiên cứu, viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu.
2.2	BUS6108	Chuyên đề nghiên cứu Quản trị kinh doanh	2	Học phần giúp cho người học hiểu và vận dụng được những kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghiên cứu khoa học để xây dựng đề cương chi tiết của luận văn thạc sĩ cũng như thái độ chấp hành nghiêm túc quy định, hướng dẫn của Nhà trường
2.3	ECO6101	Kinh tế học	3	Học phần giúp học viên hiểu biết và nắm bắt được một số vấn đề cơ bản của kinh tế học như: quan hệ cung cầu, hệ số co giãn và ứng dụng, lý thuyết sản xuất, tiêu dùng, cách vận hành nền kinh tế của Chính phủ khi thực hiện những chính sách kinh tế, tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô trong ngắn hạn và dài hạn, vai trò điều tiết của Chính phủ trong nền kinh tế hiện đại, ảnh hưởng của các dòng vốn đến nền kinh tế quốc gia, hay khu vực. Đặc biệt, học phần sẽ giúp học viên nghiên cứu, phân tích hiệu quả của các chính sách kinh tế trong thực tế theo nhiều quan điểm khác nhau
2.4	STA6101	Thống kê và phân tích dữ liệu	3	Học phần cung cấp cho học viên hệ thống các kiến thức về chỉ tiêu và phương pháp trong thống kê. Từ đó, giúp học viên khái quát được hệ thống các chỉ tiêu và phương pháp thống kê; vận dụng được quy trình thống kê trong thực tế, vận dụng phương pháp chọn mẫu trong kinh tế, áp dụng hệ thống chỉ tiêu trong việc mô tả, phân tích các vấn đề kinh tế - xã hội; áp dụng hệ thống chỉ tiêu trong phân tích sự biến động của các biến số kinh tế theo thời gian và dự báo các biến số kinh tế; áp dụng các phương pháp phân tích trong phân tích mối liên hệ giữa các biến số kinh tế. Ngoài ra, học phần cũng cung cấp cho học viên những kiến thức về các phương pháp và mô hình kinh tế lượng cơ bản được ứng

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				dụng trong nghiên cứu thực nghiệm chuyên ngành Quản trị kinh doanh. Học viên có khả năng ứng dụng các mô hình kinh tế lượng vào nghiên cứu học thuật dưới sự hỗ trợ của các phần mềm thống kê như SPSS, AMOS.
2.5	MGT6105	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	Học phần cung cấp những kiến thức về quản trị kinh doanh quốc tế, như: khái niệm, hoàn cảnh ra đời và lịch sử phát triển của kinh doanh quốc tế, toàn cầu hoá, các học thuyết thương mại quốc tế, môi trường kinh doanh quốc tế, các hoạt động kinh doanh quốc tế, tổ chức và kiểm soát kinh doanh quốc tế, những yếu tố trong môi trường quốc tế có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh quốc tế của doanh nghiệp. Qua học phần này người học sẽ có được những kiến thức và kỹ năng cần thiết để nhận thức đầy đủ những đặc điểm và diễn biến của môi trường kinh doanh toàn cầu, từ đó có thể điều chỉnh các hành vi quản trị, đưa hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thích nghi một cách tốt nhất và có hiệu quả nhất vào tiến trình hội nhập kinh tế toàn cầu hiện nay. Ngoài ra, học phần hướng dẫn xây dựng các chiến lược, chính sách và các mặt hoạt động kinh doanh quốc tế giúp doanh nghiệp có thể cạnh tranh hiệu quả trong môi trường toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế và phân tích những vấn đề mà các nhà quản trị làm việc trong môi trường kinh doanh quốc tế phải đối mặt hàng ngày và một số kinh nghiệm giải quyết tình huống trong kinh doanh quốc tế của các công ty đa quốc gia.
2.6	MGT6102	Quản trị chiến lược	3	Học phần giúp học viên nghiên cứu được môi trường quản trị, những vấn đề chung về quản trị chiến lược: Khái niệm về chiến lược; Quản trị chiến lược, lợi ích của quản trị chiến lược, mô hình quản trị chiến lược; Phân tích môi trường như phân tích môi trường bên ngoài và môi trường bên trong; Xây dựng và lựa chọn chiến lược như sử dụng các công cụ để hình thành và lựa chọn chiến lược; thực hiện chiến lược và

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				đánh giá việc thực hiện chiến lược cho doanh nghiệp.
2.7	MKT6101	Quản trị marketing	3	Học phần cung cấp cho học viên kiến thức nền tảng, chủ yếu và nâng cao trong việc quản trị marketing ở các doanh nghiệp dựa trên cơ sở sự thấu hiểu khách hàng, xây dựng thương hiệu mạnh, triển khai thực hiện các chương trình marketing để kết nối và duy trì mối quan hệ bền vững, lâu dài với khách hàng. Trong quá trình học tập học viên được giảng viên hướng dẫn ứng dụng những lý thuyết mới, cách tiếp cận mới về quản trị marketing đã học vào thực tế; học lý thuyết vừa thảo luận tại lớp, tìm hiểu một số hoạt động marketing trong thực tế cũng như áp dụng các kiến thức đã học để đưa ra các kiến nghị marketing cho một doanh nghiệp cụ thể.
2.8	MGT6101	Quản trị nguồn nhân lực	3	Quản trị nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quyết định sự thành công của doanh nghiệp. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị nguồn nhân lực; cách ứng dụng trong mọi loại hình doanh nghiệp cũng như mọi tổ chức; Hiểu rõ quản trị nguồn nhân lực bao gồm những hoạt động sau đây: hoạch định, tuyển mộ, tuyển chọn, đào tạo, phát triển, đánh giá thành tích công tác, lãnh đạo (sử dụng, duy trì, động viên...) và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nhân viên nhằm đạt được mục tiêu chiến lược và định hướng viễn cảnh (tầm nhìn) của tổ chức. Học viên có thể vận dụng các kiến thức đã được trang bị vào công tác quản trị nguồn nhân lực một cách hiệu quả, sử dụng được các công cụ quản trị nguồn nhân lực.
2.9	LAW6101	Luật Hợp đồng	3	Pháp luật hợp đồng được định nghĩa là sự thỏa thuận giữa các chủ thể nhằm xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền và nghĩa vụ trong những quan hệ xã hội cụ thể. Trong các hợp đồng yêu tố cơ bản nhất là sự thỏa hiệp giữa các ý chí, tức là có sự ưng thuận giữa các bên với nhau. Đương nhiên tự do hợp đồng không phải là tự do tuyệt đối. Nhà nước buộc các bên khi giao kết hợp đồng phải tôn trọng đạo đức, trật tự xã

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				<p>hội, trật tự công cộng. Trong những trường hợp thật cần thiết, nhân danh tổ chức quyền lực công, nhà nước có thể can thiệp vào việc ký kết hợp đồng và do đó giới hạn quyền tự do giao kết hợp đồng. Tuy nhiên sự can thiệp này phải là sự can thiệp hợp lý và được pháp luật quy định chặt chẽ để tránh sự lạm dụng, vi phạm quyền tự do hợp đồng. Pháp luật về hợp đồng bao gồm các nội dung cơ bản liên quan đến tất cả các loại hợp đồng như khái niệm, đặc điểm, hiệu lực, trình tự ký kết, thực hiện, thay đổi và trách nhiệm do vi phạm hợp đồng. Các nội dung này sẽ được phân tích kỹ trên cơ sở so sánh các quy định của pháp luật Việt Nam với pháp luật các nước, đối chiếu với thực tiễn thông qua các ví dụ cụ thể</p>
2.10	BUS6107	Trách nhiệm xã hội	3	<p>Các vấn đề toàn cầu đang là những thách thức to lớn đối với quá trình phát triển bền vững của các quốc gia cũng như sự sống còn của các doanh nghiệp, có nguyên nhân từ sự bùng nổ dân số và phát triển những ngành công nghiệp thâm dụng tài nguyên và lao động. Nói khác đi, các doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm chính về những vấn đề toàn cầu. Do vậy, các doanh nghiệp phải góp phần cùng với xã hội giải quyết các vấn đề toàn cầu. Đó là trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (corporate social responsibility - CSR). Học phần cung cấp cho học viên các kiến thức trách nhiệm xã hội, trách nhiệm với người tiêu dùng, nhà đầu tư, nhà cung cấp, người lao động, cộng đồng, môi trường sinh thái, phát triển bền vững.</p>
2.11	FIN6101	Quản trị tài chính	3	<p>Học phần trang bị cho học viên các kiến thức, kỹ năng về phân tích và quản trị tài chính như: Đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp; Lập kế hoạch tài chính doanh nghiệp; Quản trị các hoạt động tài chính doanh nghiệp; Phân tích cơ hội đầu tư và định lượng rủi ro để đưa ra các quyết định đầu tư. Học phần còn giúp cho học viên vận dụng được những kỹ năng phân tích và quản trị tài chính vào tình hình thực tiễn; học viên có khả năng làm việc độc lập, làm việc</p>

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				thco nhóm trong nghiên cứu và quản lý tài chính doanh nghiệp; am hiểu các nguyên tắc quản lý tài chính đề tự chủ và chịu trách nhiệm đối với các quyết định tài chính có liên quan.
2.12	MKT6102	Quản trị thương hiệu	3	Quản trị thương hiệu là một hoạt động quan trọng trong lĩnh vực marketing, giúp tạo dựng được hình ảnh, uy tín và tên tuổi của sản phẩm, dịch vụ và doanh nghiệp trong nhận thức của khách hàng. Thương hiệu là tài sản giá trị đem lại lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay. Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức lý thuyết và thực tiễn về quản lý sản phẩm và thương hiệu; các lý thuyết hiện đại về nhãn hiệu, giá trị nhãn hiệu và quản lý chiến lược nhãn hiệu. Học phần cho thấy tầm quan trọng của công tác quản trị thương hiệu trong doanh nghiệp, quá trình quản trị thương hiệu và nội dung của công tác quản trị thương hiệu.
2.13	MGT6108	Quản trị chuỗi cung ứng	3	Học phần cung cấp cho học viên kiến thức nâng cao và chuyên sâu về quản trị chuỗi cung ứng. Sau khi học xong học viên có những kiến thức chuyên sâu về hoạch định, tổ chức thực hiện, lãnh đạo và kiểm tra các hoạt động trong một doanh nghiệp, thành viên của một chuỗi cung ứng. Học viên có khả năng thiết lập vận hành và đánh giá hiệu quả của một chuỗi cung ứng cho một doanh nghiệp, cụ thể là hoạch định và tổ chức thực hiện thu mua nguyên liệu và bán thành phẩm; xác định mức hàng tồn kho hiệu quả, tổ chức các hoạt động sản xuất, xây dựng hệ thống kênh phân phối, bán hàng trong và ngoài nước, và quản trị thu hồi các sản phẩm có lỗi một cách hiệu quả nhất.
2.14	MGT6109	Hành vi tổ chức	3	Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức để phân tích, giải thích và dự đoán hành vi con người trong bối cảnh tổ chức, ảnh hưởng hành vi đến việc thực hiện nhiệm vụ. Nghiên cứu hành vi tổ chức được thực hiện trên 3 cấp độ: cá nhân, nhóm và tổ chức.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				Qua việc nghiên cứu hành vi tổ chức, học viên sẽ biết cách áp dụng những nguyên tắc và phương pháp của quản trị hành vi vào nhận diện bản chất vấn đề và triển khai những giải pháp thích hợp để giải quyết những tình huống cụ thể trong công việc và cuộc sống, từ đơn giản đến phức tạp. Đồng thời người học cũng có khả năng tổng hợp và liên kết những nguyên lý và phương pháp của quản trị hành vi với những khối kiến thức khác nhau như marketing, tài chính, chiến lược,... để giải quyết những tình huống phức tạp trong thực tế.
2.15	BUS6105	Nền tảng kinh doanh số	3	Môn học cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các xu hướng công nghệ số, cách vận hành một doanh nghiệp số và chuyển đổi số trong thời kỳ chuyển đổi 4.0, giúp học viên sẵn sàng cho việc quản trị các hệ thống kinh doanh dựa trên việc ứng dụng công nghệ mới, công nghệ thông tin và phân tích dữ liệu; phát triển và ứng dụng các công nghệ kỹ thuật số vào môi trường kinh doanh truyền thống và tạo dựng những chuyển dịch kỹ thuật số vào các dự án kinh doanh và đầu tư, góp phần mang lại hiệu quả cao trong công việc kinh doanh cho doanh nghiệp..
2.16	MGT6107	Quản trị điều hành	3	Học phần nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản, nâng cao theo xu hướng cập nhật mới nhất liên quan đến quá trình điều hành sản xuất tại doanh nghiệp thông qua việc sử dụng nguồn tài nguyên đầu vào, biến chúng thành đầu ra dưới dạng hàng hoá và dịch vụ đáp ứng nhu cầu của xã hội. Nội dung chính, gồm: Tổng quan về quản trị điều hành, Dự báo nhu cầu, Quyết định về sản phẩm và dịch vụ, Lựa chọn địa điểm của doanh nghiệp. Hoạch định sử dụng các nguồn lực trong doanh nghiệp. Lập lịch trình sản xuất, Quản trị hàng tồn kho, Bố trí mặt bằng, Lý thuyết xếp hàng, Điều hành chuỗi cung ứng, Hệ thống điều hành vừa đúng lúc (Just in time), Hệ thống sản xuất tinh gọn (Lean),...

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				Song song đó trang bị những kỹ năng, công cụ hỗ trợ công tác hoạch định sản xuất và vận hành tại các công ty, xí nghiệp, đặc biệt trong các công ty đa quốc gia thuộc lĩnh vực sản xuất công nghiệp hay dịch vụ. Học phần cũng bao gồm các nội dung về thiết kế và cải tiến quy trình sản xuất nhằm giảm chi phí, nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh, giúp hình thành và vận hành doanh nghiệp một cách chuyên nghiệp.
2.17	BUS6102	Nghệ thuật lãnh đạo	3	Học phần giới thiệu sự tương quan giữa quản lý và lãnh đạo. Những yêu cầu và phẩm chất cần thiết để trở thành nhà lãnh đạo nhóm, lãnh đạo tổ chức. Các phong cách lãnh đạo: phong cách dân chủ, phong cách độc đoán, phong cách tự do. Nhấn mạnh tính nghệ thuật trong lãnh đạo với những đặc trưng như: tính sáng tạo-độc đáo, tính linh hoạt, tính tổng hợp, tính hiệu quả thực tế, tính khoa học và các nội dung cơ bản của nghệ thuật lãnh đạo như: nghệ thuật điều hành, nghệ thuật giao tiếp, nghệ thuật động viên-khích lệ, nghệ thuật sử dụng quyền lực, nghệ thuật dùng người, nghệ thuật tùy cơ ứng biến... Học phần cũng đề cập đến vai trò, trách nhiệm của người lãnh đạo nhóm: trách nhiệm đối với cá nhân, trách nhiệm đối với công việc, trách nhiệm đối với nhóm và thể hiện vai trò lãnh đạo nhóm. Phân biệt quyền hạn và quyền lực, nghệ thuật giao quyền và ủy quyền công việc hiệu quả. Giới thiệu nghệ thuật phát hiện, lựa chọn và sử dụng nhân tài; một nhiệm vụ rất quan trọng đối với người làm công tác quản lý.
III. Kiến thức tốt nghiệp				
3.1	BUS6402	Chuyên đề thực tế	6	Học phần này giúp học viên thực hành chuyên tài các kiến thức trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh thành một chuyên đề nghiên cứu một vấn đề lý luận hoặc một vấn đề thực tiễn tại đơn vị thực tập/đơn vị đang công tác và thể hiện chúng qua việc trình bày chuyên đề. Kết quả nghiên cứu sẽ làm rõ những căn cứ cho việc chọn đề tài cho đề án tốt nghiệp

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
3.2	BUS6403	Đề án tốt nghiệp	9	<p>Học phần này giúp học viên áp dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy đã học vào việc nghiên cứu một vấn đề cụ thể gắn với hoạt động ngành, chuyên ngành được đào tạo. Học viên phải trình bày kết quả nghiên cứu của mình dưới hình thức một đề án tốt nghiệp.</p> <p>Học phần này có mục tiêu giúp học viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> Có khả năng phát hiện một vấn đề nghiên cứu có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn. Biết nhận diện và xác định: Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu; Đối tượng nghiên cứu. Phạm vi nghiên cứu, Câu hỏi nghiên cứu cho các mục tiêu nghiên cứu cụ thể. Đồng thời xây dựng kế hoạch nghiên cứu vấn đề đã được xác định; Có thể tổng hợp, hệ thống hóa những vấn đề lý thuyết (nghiên cứu trước) có liên quan vấn đề nghiên cứu đã xác định (Literature Review). Biết xây dựng danh mục tài liệu trích dẫn hay danh mục tham khảo (References, Bibliography); Có thể tổng hợp, phân tích vấn đề nghiên cứu đã xác định. Biết vận dụng các hình thức thu thập dữ liệu, sử dụng các công cụ xử lý dữ liệu phù hợp. Từ đó, có thể đánh giá thực trạng, phát hiện và đề xuất giải quyết những vấn đề bất cập của đối tượng nghiên cứu. Phát triển phương pháp nghiên cứu khoa học và kỹ năng trình bày báo cáo nghiên cứu.

11. Yêu cầu về cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu đào tạo

TT	Mã số HP	Tên học phần *	Số tín chỉ	Yêu cầu về cơ sở vật chất (Phòng thực hành, trang thiết bị, phương tiện dạy học, phần mềm...)	Học kỳ đào tạo
1	STA6101	Thống kê và phân tích dữ liệu	3	Phòng máy vi tính có cài đặt SPSS 22.0, AMOS Phần mềm,...	1

III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

1. Chương trình đào tạo được tổ chức thực hiện theo kế hoạch giảng dạy và học tập từng năm học của Trường.

2. Một số học phần thể hiện bản sắc riêng của UEF, được tổ chức đào tạo theo định hướng sau:

- Nội dung học tập gắn với đặc trưng công việc của học viên, được thể hiện qua các ví dụ, bài tập tình huống, bài tập về nhà, chủ đề viết tiểu luận.

- Mời các chuyên gia thực tế đến chia sẻ các thông tin từ thực tiễn.

3. Các học phần trong chương trình đào tạo được phân định quản lý cho Viện đào tạo sau đại học và các Trường ngành đào tạo sau đại học.

4. Việc thiết kế các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá, phân tích kết quả học tập của người học được thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Trường về việc lựa chọn phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ.

5. Các học phần được giảng dạy theo đề cương chi tiết học phần thống nhất được Hiệu trưởng ban hành.

6. Việc tổ chức giảng dạy và học tập, kiểm tra, đánh giá học phần, xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp chương trình đào tạo được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, Quy định tổ chức thi kết thúc học phần và các quy chế, quy định có liên quan khác của Trường.

7. Đơn vị quản lý chương trình đào tạo phải lập kế hoạch và thực hiện đo lường, đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo quy định của Trường. Đơn vị quản lý học phần phải lập kế hoạch và thực hiện đo lường, đánh giá chuẩn đầu ra của học phần theo quy định của Trường.

8. Yêu cầu đối với đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định tại Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo, ban hành theo Quyết định số 714/QĐ-UEF ngày 01 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật mỗi 02 năm một lần; kết quả rà soát, đánh giá được đơn vị quản lý chương trình áp dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

10. Trong quá trình thực hiện chương trình đào tạo, nếu phát sinh yêu cầu cần thiết phải điều chỉnh đột xuất chương trình đào tạo, đơn vị quản lý chương trình đào tạo phải làm tờ trình nêu rõ căn cứ/ lý do của việc điều chỉnh, phạm vi áp dụng, thời điểm bắt đầu áp dụng, nội dung đề nghị điều chỉnh và dự kiến tác động của việc điều chỉnh chương trình đào tạo; kèm theo biên bản họp Hội đồng khoa và các minh chứng cần thiết khác. Việc đề xuất điều chỉnh đột xuất chương trình đào tạo không được làm ảnh hưởng đến kế hoạch đào tạo của học kỳ hiện tại. Viện Đào tạo sau đại học tiếp nhận tờ trình từ đơn vị quản lý chương trình đào tạo, rà soát và có ý kiến, trình Hiệu trưởng xem xét phê duyệt.

11. Khi có thay đổi về giáo trình, tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo hoặc theo yêu

cầu điều chỉnh đột xuất chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần phải được rà soát và cập nhật. Viện Đào tạo sau đại học tổ chức việc rà soát, cập nhật, ghi rõ thời điểm áp dụng đề cương chi tiết mới cập nhật. Đề cương chi tiết sau khi hoàn tất cập nhật được gửi cho Viện Đào tạo sau đại học rà soát, trình Hiệu trưởng xem xét phê duyệt.

12. Chu kỳ đánh giá tổng thể chương trình đào tạo tối đa là 05 năm; quy trình đánh giá tổng thể tương tự với quy trình xây dựng mới chương trình đào tạo. /

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thanh Giang